

Số: 58 /2017/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 22 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BTTTT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành giá cước sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 52/TTr-STTTT ngày 13/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT, VPCP;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các hội, đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT (Nga.QĐ17.19.12.2017).



QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 58 /2017/QĐ-UBND ngày 22 /12 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh (viết tắt là Mạng TSLCD) là mạng truyền dẫn tốc độ cao, sử dụng phương thức chuyển mạch nhãn đa giao thức trên nền giao thức liên mạng (IP/MPLS), sử dụng riêng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh do các doanh nghiệp viễn thông được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cho phép xây dựng, vận hành.

2. Đơn vị sử dụng Mạng TSLCD là các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước có điểm kết nối vào Mạng TSLCD.

3. Địa chỉ IP (trong đó IP là viết tắt của từ tiếng Anh: Internet Protocol - giao thức Internet) là một địa chỉ đơn nhất mà những thiết bị điện tử sử dụng để nhận diện và liên lạc với nhau trên mạng máy tính bằng cách sử dụng giao thức Internet.

4. VPN (viết tắt của từ tiếng Anh: Virtual Private Network - Mạng riêng ảo) là một mạng dành riêng để kết nối các máy tính của các công ty, tập đoàn hay các tổ chức với nhau thông qua mạng Internet công cộng.

5. MPLS (viết tắt của từ tiếng Anh: Multiprotocol Label Switching - Chuyển mạch nhãn đa giao thức) là một phương thức được cải tiến cho việc chuyển tiếp các gói tin trong mạng bằng cách sử dụng các nhãn được gắn thêm vào trong các gói tin IP.

6. VoIP (viết tắt của từ tiếng Anh: Voice over Internet Protocol -Thoại trên giao thức IP) là công nghệ truyền âm thanh, tiếng nói (thoại) sử dụng giao thức mạng IP trên cơ sở hạ tầng mạng Internet với thông tin được truyền tải là mã hóa của âm thanh.

Điều 4. Danh mục dịch vụ cung cấp trên Mạng TSLCD

Danh mục các dịch vụ cung cấp trên Mạng TSLCD bao gồm:

1. Các dịch vụ truyền số liệu và thuê kênh riêng sử dụng công nghệ kết nối mạng riêng ảo (VPN) gồm:

- a) Dịch vụ Intranet IP/MPLS VPN;
- b) Dịch vụ Extranet IP/MPLS VPN;
- c) Dịch vụ Internet IP/MPLS VPN;
- d) Dịch vụ IP VPN truy nhập từ xa;
- đ) Dịch vụ VPN liên kết giữa các nhà cung cấp.

2. Dịch vụ hội nghị truyền hình.

3. Các dịch vụ giá trị gia tăng gồm:

- a) Dịch vụ truy nhập Internet;
- b) Dịch vụ trung tâm dữ liệu;
- c) Dịch vụ cho thuê chỗ trên máy chủ mạng;
- d) Dịch vụ máy chủ mạng;
- đ) Dịch vụ máy chủ thư điện tử;
- e) Dịch vụ thoại VoIP.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH MẠNG TSLCD

Điều 5. Nguyên tắc chung về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD

1. Quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng máy tính và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2. Mạng TSLCD được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được rà soát kiểm tra, đánh giá định kỳ để bảo đảm an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành và sử dụng.

3. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên Mạng TSLCD, được quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

4. Các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn, bảo mật của Mạng TSLCD phải được phát hiện kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Mạng TSLCD phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần).

Điều 6. Các ứng dụng khai thác qua Mạng TSLCD

1. Cổng Thông tin điện tử và các Cổng thành phần của tỉnh, các dịch vụ công trực tuyến.

2. Điều hành công việc, luân chuyển văn bản giữa các cơ quan, đơn vị thông qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

3. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

4. Phần mềm Một cửa điện tử giải quyết thủ tục hành chính.

5. Hội nghị truyền hình trực tuyến.

6. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thông qua phần mềm Quản lý Cán bộ, công chức, viên chức.

7. Các ứng dụng chuyên ngành khác có yêu cầu liên thông, luân chuyển dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Cước phí sử dụng Mạng TSLCD

Cước phí sử dụng Mạng TSLCD được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước và áp dụng theo Thông tư số 06/2010/-TT-BTTTT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành giá cước sử dụng Mạng TSLCD phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Các đơn vị khi có nhu cầu kết nối Mạng TSLCD, có thể liên hệ với Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn và tự chi trả cước phí hòa mạng và phí sử dụng Mạng TSLCD.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Quản lý, rà soát công tác kết nối, khai thác sử dụng tài nguyên mạng của các cơ quan, đơn vị tham gia vào Mạng TSLCD. Tham mưu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên mạng máy tính theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về dữ liệu và thông số mạng phù hợp với tiêu chuẩn chung do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2. Xây dựng kế hoạch khai thác, phát triển các ứng dụng trên Mạng TSLCD.

3. Hướng dẫn chuẩn công nghệ thông tin, cung cấp thông tin về các lớp địa chỉ IP và các hướng dẫn kỹ thuật khác liên quan đến việc kết nối, quản lý và khai thác tài nguyên Mạng TSLCD.

4. Xây dựng kế hoạch tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo về an toàn, bảo mật hệ thống mạng; quản lý và khai thác tài nguyên Mạng TSLCD cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại các đơn vị kết nối Mạng TSLCD để cập nhật những kiến thức quản trị hệ thống; sử dụng và khai thác có hiệu quả Mạng TSLCD phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc sử dụng Mạng TSLCD của tỉnh.

6. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; tổng hợp, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình khai thác, sử dụng Mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp đường truyền Mạng TSLCD

1. Phối hợp các đơn vị liên quan quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ đường truyền kết nối của Mạng TSLCD bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu sử dụng của tất cả các đơn vị sử dụng mạng, bảo đảm các yêu cầu về dung lượng, tốc độ, chất lượng dịch vụ mạng và an toàn thông tin theo quy định.

2. Xây dựng các quy định về quản lý, điều hành khai thác, khắc phục sự cố, bảo dưỡng đường truyền kết nối của Mạng TSLCD do doanh nghiệp vận hành, khai thác và bảo vệ. Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng để bảo đảm cơ sở hạ tầng Mạng TSLCD hoạt động liên tục, an toàn.

3. Thiết lập đầu mối, số điện thoại liên lạc để hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh tới cấp huyện.

4. Xây dựng quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu và tiến hành thương thảo, ký kết hợp đồng với đơn vị được giao quản lý vận hành, sử dụng Mạng TSLCD phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh do doanh nghiệp mình cung cấp.

5. Định kỳ báo cáo với Sở Thông tin và Truyền thông (06 tháng/lần, trước ngày 10 tháng 6 và trước ngày 10 tháng 12 hàng năm); báo cáo đột xuất theo yêu cầu về tình hình hoạt động của Mạng TSLCD, của cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

6. Báo cáo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông để nhận chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Mạng TSLCD hoặc các sự cố cần tổ chức ứng cứu thông tin.

Chương III

SỬ DỤNG MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

Điều 10. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng TSLCD

1. Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước được truyền tải trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

3. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 11. Trách nhiệm đơn vị sử dụng Mạng TSLCD

1. Quản lý, khai thác và bảo đảm hoạt động liên tục của thiết bị mạng điểm kết nối đặt tại cơ quan mình theo biên bản bàn giao thiết bị.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng TSLCD theo đúng quy định pháp luật.

3. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng TSLCD theo đúng các quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

4. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến Mạng TSLCD không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống Mạng TSLCD.

5. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan như:

a) Hệ thống tường lửa của đơn vị đối với Mạng TSLCD;

b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của cơ quan được thiết lập (nếu có) trên nền tảng Mạng TSLCD;

c) Quản lý các tên miền của cơ quan;

d) Sở hữu và quản lý các chính sách kết nối Internet của riêng cơ quan thông qua Mạng TSLCD;

đ) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối Mạng TSLCD, về an toàn, bảo mật thông tin; trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông quản lý, vận hành Mạng TSLCD để phối hợp khắc phục kịp thời, nhanh chóng.

6. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số với Ban Cơ yếu Chính phủ để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trên Mạng TSLCD.

7. Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến Mạng TSLCD, cần thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông quản lý, vận hành Mạng TSLCD trước tối thiểu 05 ngày làm việc để bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể Mạng TSLCD.

8. Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.

9. Phải xây dựng quy chế nội bộ về việc bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị mình quản lý và có cán bộ phụ trách quản lý an toàn thông tin. Hàng năm phải lập kinh phí trong các dự án ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị để đầu tư thiết bị và triển khai các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin.

10. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm; xây dựng báo cáo gửi Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình khai thác, sử dụng và công tác bảo đảm an toàn thông tin Mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình.

Điều 12. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng Mạng TSLCD

1. Người sử dụng (thuộc các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD) khi kết nối vào Mạng TSLCD phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào mạng truyền số liệu chuyên dùng.

3. Khi sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị để giải quyết.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này cho các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các đơn vị này quản lý, khai thác hiệu quả Mạng TSLCD.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng Mạng TSLCD; trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm triển khai và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị theo đúng nội dung của Quy chế này.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các đơn vị gửi văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trầm